

### 3. Đơn vị tính thời gian:

- Đối với đơn vị thời gian là ngày: Một ngày tính = 24 giờ; phần lẻ của ngày dưới 12 giờ tính = ½ ngày, trên 12 giờ đến 24 giờ tính = 1 ngày.

- Đối với đơn vị thời gian là giờ: Một giờ tính bằng 60 phút; phần lẻ dưới 30 phút tính = ½ giờ, trên 30 phút tính = 1 giờ.

- Đối với đơn vị tính thời gian là ca: 1 ca sản xuất = 8 giờ; phần lẻ dưới 4 giờ tính = ½ kíp, trên 4 giờ tính = 1 ca.

### 4. Đơn vị trọng lượng/khối lượng hàng hoá(kể cả bao bì):

- Trọng lượng tính giá là Tấn thực (Metric tons- MT), bao gồm cả bao bì hàng hóa (Gross weight- GW) được thể hiện trên lệnh giao hàng (Delivery Order- DO) của hãng tàu hoặc Vận tải đơn đường biển (Bill of Lading- B/L). Phần lẻ dưới 0,5 Tấn không tính, trên 0,5 Tấn tính tròn = 1 Tấn.

- Khối lượng tính giá là mét khối (m<sup>3</sup>). Phần lẻ dưới 0,5 m<sup>3</sup> không tính, trên 0,5 m<sup>3</sup> tính tròn = 1 m<sup>3</sup>.

- Tấn quy đổi (Freight tons- FT): là giá trị lớn nhất giữa trọng lượng thực tế (Metric Tons- MT) và thể tích toàn phần của kiện hàng (Cubic Meter- CBM). Đối với các loại hàng thép hình, thép kết cấu, thép ống, cấu kiện, thiếp bị, khung nhà xưởng thì đơn vị tính giá dịch vụ là tấn quy đổi (FT).

- Trong một vận đơn lẻ, khối lượng tính tối thiểu là 1 tấn hoặc 1 m<sup>3</sup>.

### 5. Những mặt hàng được quy đổi về trọng lượng để tính giá xếp dỡ, lưu kho/bãi:

Biểu 1:

| STT | LOẠI HÀNG   | QUY ĐỔI                  |
|-----|---|--------------------------|
| 1   | Tre, nứa, mây, trúc, các loại gỗ khối lượng thực tế là m <sup>3</sup> . | 1 m <sup>3</sup> = 1 tấn |
| 2   | Các loại động vật sống (trâu, bò, ngựa...).                             | 1 con = 1 tấn            |
| 3   | Hàng nhẹ, mỗi tấn chiếm từ 2 m <sup>3</sup> trở lên.                    | 2 m <sup>3</sup> = 1 tấn |
| 4   | Thùng, can, hộp, chai rỗng...   | 1 m <sup>3</sup> = 5 tấn |

### 6. Đơn vị tính chiều dài cầu bến:

- Đơn vị tính là mét (m), phần lẻ dưới 1 mét tính = 1 mét.

## PHẦN HAI:

### GIÁ DỊCH VỤ ĐỐI VỚI TÀU BIỂN, PHƯƠNG TIỆN THỦY

#### I. CÁCH XÁC ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ ĐỐI VỚI TÀU BIỂN VIỆT NAM THAM GIA VẬN TẢI BIỂN:

##### 1. Trường hợp nhận hàng xuất khẩu tại Cảng:

- Lướt vào áp dụng mức thu đối với tàu vận tải nội địa (cước nội).

- Lướt rời áp dụng mức thu đối với tàu vận tải quốc tế (cước ngoại).

##### 2. Trường hợp trả hàng nhập khẩu sau đó nhận hàng để vận tải nội địa:

- Lướt vào áp dụng mức thu đối với tàu vận tải quốc tế (cước ngoại).

- Lướt rời áp dụng mức thu đối với tàu vận tải nội địa (cước nội).